TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:835/2018/HSPT
Ngày 20/12/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Hải T1;
+ Ông Đặng Văn Hưng;
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị T1 Nga, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngụy Thế Nho, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 730/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 9 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HSST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N Định.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đội 1, xã TT, huyện TN, tỉnh N Định; trình độ văn hóa phổ thông: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1954; con bà Tạ Thị Đ, sinh năm 1959; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 8, NĐ, xã TT, huyện TN, tỉnh N Định; trình độ văn hóa phổ thông: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1965; con bà Cao Thị S, sinh năm 1964; vợ là Đoàn Thị H, sinh năm 1995; có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; bị cáo xin được xử vắng mặt tại phiên tòa (Đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TN, tỉnh N Định xác nhận ngày 18/12/2018).

Trong vụ án này còn có các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Ngọc N, Phạm Văn Đ và Vũ Văn Q không kháng cáo và không bị kháng nghị. Những người bị hại trong vụ án cũng không kháng cáo.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2018, Ngô Văn C và Phạm Văn T3 bàn bạc, rủ nhau làm môi giới nhân viên nữ phục vụ bấm bài, rót rượu bia và hát cùng khách tại các quán karaoke trên địa bàn huyện TN và huyện NH. C và T3 thống nhất như sau: C là người quản lý, đưa đón nhân viên đến các quán hát, T3 quan hệ với các quán hát để khi khách có nhu cầu thì gọi cho nhóm T3 và C, tiền thu được chia đôi. C và T3 thống nhất với các chủ quán karaoke mỗi lần gọi nhân viên đi hát thì phải trả 300.000 đồng/01 nhân viên/01 giờ. C, T3 trả cho nhân

viên 200.000 đồng, số còn lại thì chia nhau. Thông qua các mối quan hệ, C tìm được 06 nhân viên nữ gồm: Bùi Thị Minh H1 (sinh ngày 07/10/2000), Đinh Thị L1 (sinh năm 1999), Nguyễn LA (sinh ngày 26/5/2000), Đinh Thị T4 (sinh ngày 24/9/2000), Lê Thị H2 (sinh ngày 15/10/2003), Tô Thúy H3 (sinh ngày 03/12/1998). C, T3 thuê nhà trọ của bà Trần Thị H4 ở Đội 2, xã TT, huyện TN, tỉnh N Định để cho các nhân viên ăn ngủ nghỉ. C thuê Đỗ Ngọc N và Phạm Văn Đ thường xuyên ăn, ở tại nhà trọ cùng với các nhân viên để hàng ngày quản lý và chở nhân viên đi làm tại các quán karaoke. C thoả thuận mỗi tháng trả cho N và Đ mỗi người 4.000.000 đồng. Ngoài ra C còn thuê Hoàng Diệu L2 làm sổ sách chấm công nhân viên. L2 cũng được bố trí ở cùng với các nhân viên khác.

Ngày 23/01/2018, Nguyễn LA xin C về quê và được C đồng ý. Do không muốn làm cho C nữa nên chiều ngày 24/01/2018, Bùi Thị Minh H1 cũng xin về quê nhưng C không đồng ý. C nghi ngờ một số nhân viên nữ đã móc nối với phục vụ tại các quán karaoke để làm tăng ca kiếm thêm tiền nên khoảng 8 giờ sáng ngày 25/01/2018, C đến nhà trọ của bà H4 để đánh, dọa các nhân viên không được móc nối với nhân viên các quán karaoke làm tăng ca nữa. Đến nơi C gọi N mở cổng cho mình. N ra mở cổng cho C rồi đi đun nước uống. C đứng ở cổng gọi điện thoại cho Phạm Văn T đến nhà trọ của bà H4 với mình. Mục đích C gọi T đến là để làm cho các nhân viên này thấy đông người sẽ không dám chống đối. C vừa gọi cho T xong thì Q gọi điện cho C. C bảo Q đến nhà trọ của bà H4. Lúc này tại nhà trọ của bà H4 ngoài C, N còn có Nguyễn Văn T2, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T3 đang ngủ ở gian buồng phía bên trái; H1, L, H3, T4, H2 nằm ở gian ngoài gần bàn uống nước, L2 nằm một mình ở gian buồng bên phải. C vào nhà ngồi ở bàn uống nước cùng T2. Khi T, Q đến nơi thì C bảo N ra khóa cổng lại rồi đi thu điện thoại của các nhân viên, sau đó N vào trong buồng chỗ Đ, T3 đang ngủ lấy hai T1 kiếm ra, rút vỏ một T1 kiếm đưa cho C. T và C dựa vào ghế uống nước mình đang ngồi. C lấy một gậy ba khúc ở gầm bàn đưa cho N cầm. Khi T4, L1 dậy thì C bảo T4, L1 đi ra khu vực bếp. C vừa chửi vừa dùng tay, chân đánh T4, L1, sau đó C bảo N vào đánh thì N dùng gậy ba khúc đi đến vụt hai cái vào lưng T4. Sau khi N đánh T4 xong thì C đi ra đứng ở bàn uống nước rồi gọi H1, H2, H3 dậy rồi bắt cả năm người H1, L1, H3, T4, H2 ra ngồi xuống nền nhà gần bàn uống nước. C chửi H1 vì H1 đòi về rồi dùng chân, tay đánh H1. Bị C đánh nên H1 nói với C là không về quê nữa. C tiếp tục chửi và bắt H1 bỏ hết số tiền H1 có đưa cho C. H1 sợ nên đã đến đầu giường lấy tiền ở trong ví đưa hết cho C. C bảo N cầm số tiền trên. N cầm tiền đếm được 1.550.000 đồng rồi đưa lại cho C. C cầm tiền đút vào túi rồi bảo N vào gọi Đ, T3 dậy. Thấy C đang chửi nhân viên T3 hỏi: "Có chuyện gì vậy", C nói: "Anh không biết gì à". T3 nói "Tối hôm qua anh đi uống rượu về muộn anh có biết gì đâu". C tiếp tục nói với T3 "Em bỏ ra hai trăm triệu mà chúng nó dám lừa tiền em". Lúc này L2 ngủ ở buồng ngoài bị tiếng chửi bới của C làm cho tỉnh giấc nên đi vào thì thấy C đang chửi các nhân viên nữ. Thấy L2 đi vào thì C đuổi L2 ra ngoài. C tiếp tục chửi số nhân viên nữ thì T3 bảo C không chửi số nhân viên trên nữa. C nói với các nhân viên "Từ lần sau tao mà phát hiện ra thì đừng có trách, chúng mày bỏ hết chứng minh ra đây". H1, L1, T4 đưa chứng

minh cho C giữ. Sau đó mọi người ra về, chỉ còn lại N, Đ và các cô gái tiếp tục ở lại nhà trọ.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, C đến nhà trọ chỉ đạo N: "Từ nay phải quản lý bọn nó cẩn thận, không cho đi lại tự do, đi đâu làm gì phải xin phép anh, về nhà thì khoá cổng, khoá cửa lại, bảo cả thằng Đ như vậy". N nói lại cho Đ và cả hai cùng thực hiện theo lời của C. Từ thời điểm C yêu cầu N, Đ quản lý chặt số nhân viên thì khi các nhân viên đi làm hoặc đi ra ngoài, N hoặc Đ đều đi cùng để giám sát. Khi các nhân viên xong việc thì N hoặc Đ đưa các nhân viên về nhà trọ và khóa cổng, khóa cửa để không cho nhân viên ra ngoài. Hàng ngày C trực tiếp ở nhà trọ để cùng N và Đ thay nhau quản lý giám sát nhân viên. Ngày 26/01/2018, Bùi Thị Minh H1 liên lạc báo về cho gia Đ biết bị nhóm của C giữ tại nhà trọ nên không về được. Cũng trong ngày 26/01/2018, LA dẫn bạn là Ngô Thị H5, sinh ngày 17/6/2002, xuống để làm nhân viên cho C thì cũng bị quản lý như các nhân viên trên.

Ngày 28/01/2018, ông Bùi Anh T5 là bố đẻ của Bùi Thị Minh H1 đến Công an trình báo sự việc. Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HSST ngày 15/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh N Định quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Ngọc N phạm tội "Giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản"; bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Giữ người trái pháp luật"; bị cáo Phạm Văn T, Vũ Văn Q (tức Vũ Hồng Q) và Nguyễn Văn T1 phạm tội "Không tố giác tội phạm". Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo C); Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo N), xử phạt:

1. Bị cáo Ngô Văn C 03 năm tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 02 năm tù về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Ngô Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 năm tù;

2. Bị cáo Đỗ Ngọc N 24 tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật" và 15 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Ngọc N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 39 tháng tù.

3. Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 24 tháng tù.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 390, Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn Q (tức Vũ Hồng Q) 12 tháng tù, tổng hợp với hình phạt của Bản án số 34/2018/HS-ST ngày 13/7/2018 của TAND huyện N Trực đã xử phạt bị cáo Q 4 năm 6 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 5 năm 6 tháng tù.

Riêng đối với các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tai khoản 1 Điều 390; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1, mỗi bị cáo 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 8 năm 2018, Phạm Văn T kháng cáo; ngày 22 tháng 8 năm 2018, Nguyễn Văn T1 kháng cáo; nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đều xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của bị cáo Phạm Văn T có mặt tại phiên tòa;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN:

[1] Như trên đã nêu, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HSST ngày 15/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh N Định đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Ngọc N phạm tội "Giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản"; bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Giữ người trái pháp luật"; bị cáo Vũ Văn Q phạm tội "Không tố giác tội phạm", đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng quyết định hình phạt đối với từng bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn pháp luật quy định, các bị cáo này đều không kháng cáo và cũng không bị kháng cáo, kháng nghị, như vậy, theo quy định của pháp luật, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Ngô Văn C, Đỗ Ngọc N, Phạm Văn Đ và Vũ Văn Q, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đối với các bị cáo này.

[2] Đối với các bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Nguyễn Văn T1: Tại phiên tòa phúc thẩm, Phạm Văn T cũng như các bị cáo đồng phạm đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của Phạm Văn T phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên toà sơ thẩm và quá trình điều tra vụ án; đồng thời cũng phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác đã thu thập trong quá trình điều tra, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08h ngày 25/01/2018, tại nhà trọ của gia đình bà Trần Thị H4 ở Đội 2, xã TT, huyện TN, tỉnh Nam Định. Khi C và N thực hiện hành vi chửi bới, đe dọa, rồi dùng chân tay đánh, chiếm đoạt tài sản của chị H1, thì Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn T có mặt từ đầu và biết được toàn bộ nội dung sự việc, sau đó cả hai bỏ về nhà mà không tố giác hành vi phạm tội của Ngô Văn C và Đỗ Ngọc N cũng như các bị cáo khác. Do đó hành vi của Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Không tố giác tội phạm" theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Xét thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn T là ngang nhau. Mặc dù cả hai bị cáo đều biết các bị cáo Ngô Văn C và Đỗ Ngọc N phạm tội rất nghiêm trọng song cũng đều không có hành động can ngăn hoặc hạn chế tác hại của tội phạm.

Tội không tố giác tội phạm theo khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự quy định mức hình phạt tù có thể được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, theo đó xác định các bị cáo đều lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015; thêm nữa, sau khi bị khởi tố, trong quá trình điều tra cho đến khi xét xử, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù là phù hợp, không quá nghiêm khắc đối với các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của cả hai bị cáo.

Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo có kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận thì các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1 phạm tội "Không tố giác tội phạm";

Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

1. Bị cáo **Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn T1 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- CQĐT Công an tỉnh N Định;
- VKSND tỉnh N Định;
- TAND tỉnh N Định;
- Cục THADS tỉnh N Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh N Định;
- Các bị cáo trong vụ án;
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc